

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **184/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên

Trong ngày 23/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2022/TLST – HNGĐ ngày 27/01/2022 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐXXST– HNGĐ ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 15/9D, tổ 11, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 15/9D, tổ 11, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông H có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn, bà Phạm Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc chẳng được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, tính tình không hợp. Đến đầu năm 2018 vợ chồng quyết định sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn liên quan đến nhau nữa. Nay bà yêu cầu Toà án không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Tiến H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung tên cháu Nguyễn Yến N, sinh

ngày 19 tháng 10 năm 1996; Nguyễn Yến C, sinh ngày 14/10/2003 và cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 13/10/2013. Nay bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Cháu N, cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn – ông Nguyễn Tiến H trình bày:**

Về thời gian chung sống và việc không đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Thời gian chung sống ông và bà H không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu Toà án không công nhận vợ chồng với ông thì ông đồng ý với yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung tên cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/1996; Nguyễn Yến C, sinh ngày 14/10/2003 và cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 13/10/2013. Nay ông đồng ý giao cháu V cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu N, cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Phạm Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 13/10/2013 cho bà Vũ Phạm Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cháu N, cháu C đã trưởng thành nên đặt ra giải quyết

Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vợ chồng với ông Nguyễn Tiến H và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn, con chung”. Bà Phạm Thị H là nguyên đơn, ông Nguyễn Tiến H là bị đơn.

- Thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Tiến H là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân

thành phố B giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự.

## **[2] Nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H đều khai nhận là ông bà chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, có cơ sở để xác định bà H và ông H không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn của bà H và ông H đã vi phạm quy định tại Điều 6; Điều 8 Luật Hôn nhân Gia đình năm 1986; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Bà H, ông H sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận. Nay, bà H có đơn xin ly hôn, Tòa án không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tiến H là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông H có 03 con chung tên cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/1996; Nguyễn Yến C, sinh ngày 14/10/2003 và cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 13/10/2013. Bà H và ông H thỏa thuận giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con. Cháu V cũng mong muốn được ở với mẹ là bà H. Đây là sự tự nguyện của các bên và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận. Cháu N, cháu C đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí HNGĐ- ST:** Bà H phải nộp 300.000đ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; Điều 203, 220; Điều 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 6; Điều 8 Luật Hôn nhân Gia đình năm 1986

- Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tiến H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến Vi, sinh ngày 13/10/2013 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời ông Nguyễn

Tiền H không cấp dưỡng nuôi con. Cháu N, cháu C đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đặt ra xem xét giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 0001223 ngày 24/01/2022.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Trần Nhàn**